

Số : 01/BC/2015

Biên hòa, ngày 06 tháng 02 năm 2015

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**  
**Năm báo cáo: 2014**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

*1. Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM
- Tên viết tắt: SADAKIM
- Tên tiếng anh: Mechanical Engineering & Metallurgy J.S.Co.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600869728
- Vốn điều lệ: 26.000.000.000 VND
- Địa chỉ: Đường số 2, KCN Biên Hoà 1, P An Bình, TP Biên Hòa, T Đồng Nai, Việt Nam
- Điện thoại: 0613 836170, 0613 835390
- Fax: 0613 836774, 0613 834899
- Website: sadakim.vn
- Mã cổ phiếu: SDK

*2. Quá trình hình thành và phát triển*

Quá trình hình thành và phát triển:

- Ngày thành lập công ty: Công ty được thành lập ngày 01 tháng 02 năm 2007. Trên cơ sở cổ phần hóa; Nhà máy cơ khí luyện kim thuộc Công ty thép Miền Nam (Hoạt động từ năm 1976)

- Thời điểm niêm yết trên sàn Upcom: ngày 28 tháng 10 năm 2010.

- Thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

Ngày 27 tháng 12 năm 2006 đại hội đồng cổ đông thành lập công ty đại hội đã bầu Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên do ông Phạm Mạnh Cường làm chủ tịch, ban kiểm soát gồm 3 thành viên do ông Nguyễn Thanh Hùng làm trưởng ban

Ngày 30 tháng 3 năm 2012 đại hội đồng cổ đông năm 2012 nhiệm kỳ 2 (2012-2017) đại hội đã bầu hội đồng quản trị gồm 5 thành viên do ông Nguyễn Xuân Sơn làm chủ tịch, ban kiểm soát gồm 3 thành viên do bà Hoàng Lê Ánh làm trưởng ban

*3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

Ngành nghề kinh doanh:

Sau khi thay đổi bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký lần đầu ngày 9 tháng 1 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08/11/2013 hiện nay ngành nghề kinh doanh của công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu : Chế tạo các sản phẩm cơ khí. Chế tạo, lắp ráp hoàn chỉnh máy móc thiết bị, cụm thiết bị.	2599
2	Sản xuất các cấu kiện kim loại : Chế tạo các sản phẩm kết cấu và xây lắp công nghiệp.	2511

3	Đúc sắt thép : Luyện và đúc các sản phẩm bằng kim loại đen.	2431
4	Đúc kim loại màu : Luyện và đúc các sản phẩm bằng kim loại màu.	2432
5	Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác : Buôn bán máy móc thiết bị	4659
6	Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu : Buôn bán vật tư các loại, nguyên liệu, vật liệu trong ngành cơ khí, luyện kim.	4669
7	Tái chế phế liệu : Xử lý các phế liệu kim loại.	3830
8	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật : Phân tích mẫu kim loại.	7120
9	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp : Chế tạo sửa chữa và bảo trì thiết bị cầu trục.	2816
10	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê : Cho thuê kho bãi.	6810
11	(Doanh nghiệp phải thực hiện theo văn bản số 1253/KCNĐN-ĐT ngày 20 tháng 10 năm 2009 của ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai)./.	Ngành nghề chưa khớp với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

- Địa bàn kinh doanh:

Khách hàng của công ty bao gồm cả trong nước và xuất khẩu, với cơ cấu ngành hàng như sau:

STT	Ngành hàng	Doanh thu năm 2013	Doanh thu năm 2014	Tỷ trọng 2014 %	% so cùng kỳ
1	Ngành thép	51.779.990.967	60.430.682.125	38,6	116,70
2	Xuất khẩu	48.860.159.109	61.072.786.181	39,0	124,99
3	Mía đường	12.583.602.900	10.906.817.000	7,0	86,67
4	Cao su	9.554.924.900	5.891.364.100	3,8	61,65
5	Cấp thoát nước	9.218.457.000	5.822.279.397	3,7	63,15
6	Xi măng	2.110.757.000	2.427.184.000	1,5	114,99
7	Các ngành khác	4.593.057.343	10.095.889.308	6,4	194,73
	<b>Tổng cộng</b>	<b>138.700.949.219</b>	<b>156.647.002.111</b>	<b>100,0</b>	

Tổng hợp có 40 khách hàng có doanh thu trên 400 triệu đồng / năm, chiếm 91,4 % tổng doanh thu. Đặc biệt Toshiba + Vpic có doanh số là 55.689.778.100 đ chiếm 35,8 % tổng doanh thu.

Stt	Tên khách hàng	Doanh thu	Stt	Tên khách hàng	Doanh thu
1	CTY TNHH TOSHIBA	51.332.348.212	21	Cty CƠ KHÍ AN SƠN	1.580.829.100
2	CTY THÉP MIỀN NAM	13.713.843.000	22	Cty VINA NHATRANG	1.447.957.000
3	CTY THÉP VINAUSTEEL	6.742.040.500	23	MARUBENI- STEEL INC	1.408.974.736
4	CTY CP THÉP THỦ ĐỨC	6.307.030.000	24	Cty DONG YANG VINA	1.374.265.600
5	CTY CP THÉP BIÊN HÒA	4.866.385.800	25	Cty THÉP ĐÔNGNAM Á	1.364.562.000
6	CTY CP THÉP NHẢ BÈ	4.482.576.700	26	Cty CPTHÉP BẮC NAM	1.084.400.000

7	Cty CP VPIC	4.357.429.888	27	Cty TANAKA SCALE	878.418.900
8	Cty TNHH HA ĐẠT	3.866.965.797	28	Cty HÀ TIÊN - BECAMEX	632.904.000
9	Cty CP CƠ KHÍ CAO SU(I+II)	3.609.140.000	29	Cty JVTEK	627.800.000
10	Cty AN HƯNG TƯỜNG	3.308.064.000	30	Cty TAKAYOSHI	534.448.000
11	Cty ĐƯỜNG QUANG NGÃI	3.148.206.000	31	Cty THÉP DANA-Ý	516.860.000
12	Cty CP MẠ VINGAL	3.009.563.333	32	Cty THÉP ĐÀ NẴNG	479.403.000
13	Cty ROEDERS VIỆT NAM	2.811.822.728	33	Cty THÉP ĐỒNG TIÊN	468.945.000
14	Cty THÉP TÂY ĐÔ	2.592.832.200	34	Cty ĐƯỜNG NƯỚC TRONG	466.650.000
15	Cty TÔN PHƯƠNG NAM	2.384.184.000	35	Cty TNHH HIỆP LỰC	451.575.000
16	Cty THÉP VINA KYOEI	2.350.813.000	36	Cty TNHH THÉP FUCO	449.600.000
17	Cty THÉP VSC- POSCO	2.176.000.000	37	Cty ĐƯỜNG BẾN TRE	436.000.000
18	Cty THÉP KYOEI VIỆT NAM	2.117.080.000	38	Cty ĐƯỜNG SBT- TN	427.390.000
19	Cty MÍA ĐƯỜNG GIA LAI	2.008.200.000	39	Cty N.A.G.O.Y.A	412.330.000
20	Cty CÔNG NGHIỆP KCP	1.610.610.000	40	Cty THÉP SÀI GÒN	404.991.000

#### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

- Mô hình quản trị: Công ty cổ phần hoạt động theo luật doanh nghiệp:
- + Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty. Đại hội đồng cổ đông họp 01 lần/năm, thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và lợi nhuận, phương án phân chia lợi nhuận năm trước, đồng thời phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư, chi tiêu về lợi nhuận cho năm kế hoạch.
- + Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu ra thực hiện quyền quản trị công ty.
- + Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông bầu ra kiểm soát các mặt kinh doanh của công ty.
- + Ban điều hành được Hội đồng quản trị bầu ra điều hành các mặt hoạt động của công ty.
- Cơ cấu bộ máy quản lý.

STT	Đơn vị	Số người	Số tổ	Ghi chú
1	Tổng giám đốc	01		
2	Phó tổng giám đốc	02		
3	Phòng kế hoạch kinh doanh	11	01	Tổ kho thuộc phòng
4	Phòng kỹ thuật	07		
5	Phòng tài chính kế toán	04		
6	Phòng tổ chức hành chính	19	01	Đội bảo vệ trực thuộc phòng
7	Xưởng đúc	95	07	
8	Xưởng gia công cơ khí-rèn	63	07	
9	Xưởng gia công kết cấu	24	03	
10	Ban KCS	8		
	Cộng	233		

- Công ty liên kết: Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP sở hữu 45% vốn điều lệ của công ty.

#### 5. Định hướng phát triển.

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Đầu tư thêm thiết bị, nâng cao năng lực chế tạo sản phẩm, nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường.

- + Phục vụ tốt các yêu cầu của khách hàng trong nước, trong đó ưu tiên khách hàng thuộc hệ thống Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP.
- + Tăng dần doanh thu và sản lượng hàng xuất khẩu, củng cố thương hiệu Sadakim.
- + Làm tốt công tác thị trường, tìm kiếm và đa dạng hóa nguồn hàng, duy trì sản xuất có hiệu quả, cố gắng đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động trong Công ty.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Phát triển đồng bộ các nguồn lực, củng cố uy tín của thương hiệu Sadakim trên thị trường. Chuẩn bị phương án đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, nghiên cứu tìm địa điểm, lập dự án tiền khả thi để di dời Công ty theo quy hoạch của tỉnh Đồng Nai vào khoảng năm 2020.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của công ty.
- + Thực hiện tốt mục tiêu quản lý chất lượng theo ISO9001-2008 công ty đã áp dụng từ năm 2000 đến nay. Duy trì thực hiện mục tiêu 2S tại công ty thường xuyên kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện.
- + Thường xuyên bảo dưỡng mảng công viên cây xanh của công ty, nhà vệ sinh và tắm giặt cho công nhân ở các xưởng. Từng bước đầu tư cải tiến công nghệ, nhà xưởng môi trường làm việc để có môi trường làm việc tốt hơn cho công nhân.

#### 6. Các rủi ro.

- Tình hình suy thoái kinh tế giới kéo dài, tình hình bất ổn ở một số nơi trên thế giới ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất hàng phục vụ xuất khẩu của công ty.
- Tình hình trong nước phục hồi chậm, một số ngành sản xuất có quan hệ trực tiếp đến công ty đang trong tình trạng sản xuất giảm như xi măng, mía đường, vật liệu xây dựng.
- Nguồn nhân lực có sức khỏe tốt, được đào tạo chất lượng cao rất khó tìm để bổ sung và thay thế cho lực lượng lao động lớn tuổi, sức khỏe và tay nghề yếu, nên việc phấn đấu nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm còn là vấn đề khó khăn lâu dài.

## II. Tình hình hoạt động trong năm.

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Tình hình SX- KD năm 2014 gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên với chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo công ty, cùng với sự đoàn kết, quyết tâm của tập thể CB-CNV đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt doanh thu cao, lợi nhuận tốt. Thu nhập của người lao động khá. Đời sống văn hóa tinh thần được nâng cao, môi trường làm việc được cải thiện.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014	% 2014/2013
<b>I</b>	<b>VỀ SẢN XUẤT</b>				
1	Thép và gang đúc	Tấn	3.716,12	4.233,18	113,91
2	Gia công cơ khí - rèn	Tấn	1.972,00	1.960,40	99,41
3	Gia công kết cấu	Tấn	433,74	588,15	135,59
<b>II</b>	<b>Chỉ Tiêu Tài Chính</b>				
1	Doanh thu	Tr. đ	138.700,94	156.647,00	112,93
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đ	7.245,646	8.450,030	116,62
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	6.521,171	7.712,585	118,26

### 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách ban điều hành:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ%
1	Nguyễn Xuân Sơn Kỹ sư cơ khí, cao cấp chính trị	Tổng giám đốc	650.000	25,00
		Cá nhân	1.800	0,07
2	Vũ Văn Hiến Tiền sỹ luyện kim, cao cấp chính trị	Phó tổng giám đốc	260.000	10,00
		Cá nhân	22.100	0,85
3	Hồ Văn Ích Em Kỹ sư cơ khí, cao cấp chính trị	Phó Tổng giám đốc	260.000	10,00
4	Đỗ Xuân Quang Cử nhân kinh tế, trung cấp chính trị	Kế toán trưởng	2.800	0,11

- Những thay đổi trong ban điều hành:

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 Ông Hồ Văn Ích Em thành viên HĐQT đảm nhiệm chức vụ phó Tổng giám đốc công ty.

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

Công ty thực hiện ký hợp đồng với tất cả cán bộ, nhân viên người lao động được hưởng các chế độ lương, thưởng, bảo hiểm, bữa ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại, theo đúng quy định của luật lao động ngoài ra công ty còn tổ chức cho tất cả cán bộ nhân viên tham quan du lịch hàng năm.

Chi tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% so cùng kỳ
<b>Tổng số lao động bình quân năm</b>	<b>236</b>	<b>233</b>	<b>98,73</b>
Lương bình quân: đồng/người/tháng	9.110.000	12.217.000	134,10
<b>Cơ cấu lao động theo trình độ</b>			
Tiến sỹ	1	1	100,00
Kỹ sư, cử nhân	34	36	105,88
Cao đẳng nghề	5	8	160,00
Trung cấp nghề	14	14	100,00
Công nhân kỹ thuật	148	133	89,86
Lao động phổ thông	41	41	100,00
<b>Cơ cấu lao động theo bậc thợ</b>			
Thợ bậc 7	34	36	105,88
Thợ bậc 6	24	22	91,66
Thợ bậc 5	18	16	88,88
Thợ bậc 4 trở xuống	105	98	93,33
<b>Cơ cấu lao động theo độ tuổi</b>			
Từ 55 đến 59	32	33	103,12
Từ 50 đến 54	37	41	110,81
Từ 40 đến 59	54	55	101,85
Từ 30 đến 39	77	72	93,50
Từ 18 đến 29	36	32	88,88

Lưu ý: Tỷ lệ lao động lớn tuổi từ 55 đến 59 chiếm 14, 16%, nếu tính từ 50 đến 59 chiếm 31,75%, đây là thách thức lớn đối với vấn đề tiếp cận cái mới và nâng cao năng suất lao

động của công ty.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### a) Các khoản đầu tư trong năm

Stt	Tên công trình , thiết bị	Giá trị (đồng )	Ghi chú
1	Máy phay CNC	1.791.805.954	
2	Ô tô tải HD72 tải trọng 3,5 tấn	595.082.727	
3	Cầu trục 5 tấn ở Xưởng Đúc	304.112.818	
4	Máy phay đứng	400.000.000	
5	Máy nén khí ở Xưởng Đúc	266.937.500	
6	Xe hút bụi quét rác	257.000.000	
7	Cầu trục 3 tấn ở Xưởng Cơ khí - rèn	242.045.909	Bao gồm cả Pa lăng
8	Máy cắt Plasma	107.450.000	
9	Máy đo độ cứng cầm tay	63.336.991	
10	Máy hàn Mig ( 2cái )	62.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.089.771.899</b>	

So với kế hoạch được đại hội đồng cổ đông năm 2014 phê duyệt: 8.360.000.000 đ đạt: 48,92% %

b) Các công ty con, công ty liên kết: không có phát sinh trong năm.

### 4. Tình hình tài chính

#### a) Tình hình tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	%
	A	1	2	3 = 1:2
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	157.683.174.523	138.787.291.719	113,62
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	1.036.172.412	86.342.500	1200,0
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	156.647.002.111	138.700.949.219	112,94
4	Giá vốn hàng bán	131.810.647.122	120.030.740.858	109,81
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp DV	24.836.354.989	18.670.208.361	133,02
6	Doanh thu hoạt động tài chính	130.306.327	141.465.596	92,11
7	Chi phí tài chính	522.904.586	383.148.829	136,47
	Trong đó: chi phí lãi vay	313.900.681	207.768.773	151,08
8	Chi phí bán hàng	1.585.912.679	1.152.792.049	137,57
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.947.917.769	10.552.766.863	141,65
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	7.909.926.282	6.722.966.216	117,65
11	Thu nhập khác	596.679.634	830.389.525	94,65
12	Chi phí khác	56.575.724	196.335.042	28,81
13	Lợi nhuận khác	540.103.910	634.054.483	85,18
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.450.030.192	7.357.020.699	114,85
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	737.444.755	835.849.389	88,22
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.712.585.437	6.521.171.310	118,27
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.966	2.508	

- Các chỉ tiêu khác:
- a) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chi tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2013
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	74,61	74,17
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	25,38	25,83
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	41,48	33,55
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	36,91	66,45
<i>Khả năng thanh toán</i>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,42	2,98
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,80	2,21
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,23	0,36
<i>Tỷ suất lợi nhuận</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên DT thuần	%	5,39	5,30
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên DT thuần	%	4,92	4,66
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	11,99	12,56
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	10,95	11,14
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	29,66	16,76

1. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 2.600.000 mệnh giá 10.000 VND/CP

b) Cơ cấu cổ đông đến ngày 31 tháng 12 năm 2014:

- Số lượng cổ phần đã lưu ký trên sàn Upcom: 1.374.769 CP

Trong đó:

+ Cổ đông lớn là người Việt Nam: 03 người nắm giữ = 481.500 CP

+ Cổ đông là người Việt Nam: 184 người = 841.206 CP

+ Cổ đông là tổ chức Việt Nam: 02 nắm giữ = 10.063 CP

+ Cổ đông là người nước ngoài: 03 nắm giữ = 4.400 CP

+ Cổ đông là tổ chức nước ngoài: 01 nắm giữ = 37.600 CP

- Số lượng cổ phần chưa lưu ký trên sàn Upcom: 1.225.231 CP

Trong đó:

+ Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP nắm giữ = 1.170.000 CP

+ Cá nhân là người Việt Nam: 8 người nắm giữ = 55.231 CP

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Công tác chỉ đạo sản xuất:

Toàn công ty có nhiều cố gắng nên sản xuất cả năm 2014 tương đối ổn định.

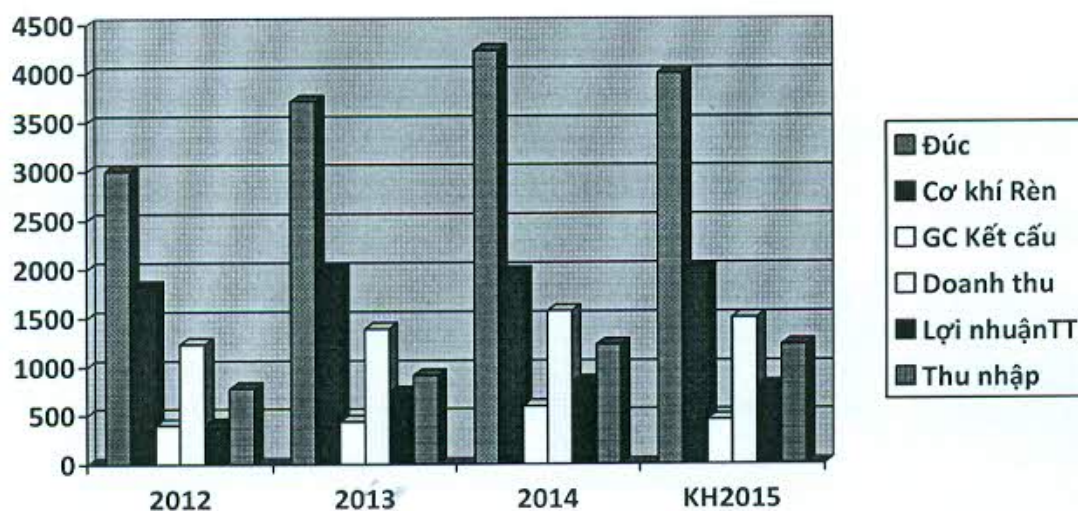
Công tác chỉ đạo sản xuất chỉ đạo quyết liệt nhằm giảm được các chỉ tiêu về tiêu hao vật tư, lao động, rút ngắn thời gian giao hàng, tích cực thu hồi công nợ, giảm chi phí tài chính.

- Công tác quản lý:

Công ty tiếp tục sắp xếp, tổ chức sản xuất ở các xưởng, đào tạo công nhân theo hướng làm tốt nhiều việc trong dây chuyền sản xuất, cùng với chủ trương một người có thể đứng được nhiều máy gia công cơ khí.

Công tác chuẩn bị sản xuất: Đáp ứng đủ vật tư cho sản xuất, đã có nhiều cố gắng tìm kiếm nguồn hàng đủ cho sản xuất, công tác bảo trì có tiến bộ, nhưng việc duy trì bảo dưỡng thiết bị theo ISO chưa đầy đủ.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm sau cao hơn năm trước, các chỉ tiêu: Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, thu nhập người lao động. Do đầu tư đúng nên năng suất lao động tăng, chất lượng sản phẩm tăng mặc dù tỷ trọng chưa nhiều, nhưng đã thể hiện sự phát triển mang tính bền vững của công ty với kết quả như sau:



*Tình hình tài chính*

a) Tình hình tài sản

b)

STT	NỘI DUNG	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
I	Tài sản ngắn hạn	52.553.799.727	43.418.577.560
	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	6.845.838.227	7.060.809.554
	2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
	3. Các khoản phải thu	18.060.688.024	18.732.036.732
	4. Hàng tồn kho	26.281.547.695	17.073.405.737
	5. Tài sản ngắn hạn khác	1.365.725.781	552.325.537
II	Tài sản dài hạn	17.876.989.852	15.122.769.570
	1. Các khoản phải thu dài hạn	-	-
	2. Tài sản cố định hữu hình	16.320.295.972	15.061.769.570
	3. Tài sản dài hạn khác	1.556.693.880	61.000.000
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	70.430.789.579	58.541.347.130
IV	Nợ phải trả	29.217.773.959	19.642.741.947
	1. Nợ Ngắn hạn	29.217.773.959	19.642.741.947
	2. Nợ Dài hạn	-	-
V	Vốn chủ sở hữu	41.213.015.620	38.898.605.183
	I Vốn chủ sở hữu	41.213.015.620	38.898.605.183
	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	26.000.000.000	26.000.000.000
	2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	3. Quỹ đầu tư phát triển	5.563.952.000	4.911.835.000
	4. Quỹ dự phòng tài chính	1.767.320.000	1.441.262.000



	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.881.743.620	6.545.508.183
	II Nguồn kinh phí, quỹ khác		
	1. Nguồn kinh phí		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	70.430.789.579	58.541.347.130

- c) Tình hình nợ phải trả
- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Không có biến động lớn
  - Phân tích nợ phải trả xấu: Không có
2. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*
- Tuyển dụng thêm lao động có trình độ, năng lực làm công tác kinh doanh, kỹ thuật và quản lý để đào tạo bồi dưỡng nguồn cán bộ cho vài ba năm tới.
  - Đầu tư mở rộng, nâng cao năng lực tăng sản lượng sản phẩm đúc, đầu tư có chọn thiết bị cho xưởng gia công cơ khí – rèn và xưởng gia công kết cấu để nâng cao giá trị gia tăng.
3. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*
- Xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý và nhân viên trong công ty đủ năng lực đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong và ngoài nước.
  - Đầu tư thêm thiết bị công nghệ cao cho khâu nấu luyện kim loại để sản xuất được sản phẩm chất lượng cao phục vụ sự phát triển của công nghiệp cơ khí, luyện cán thép,
4. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (không có).*

#### IV.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*
- Năm 2014 tình hình kinh tế xã hội nói chung rất khó khăn, đơn hàng trong nước nhận được giảm sút nhiều, nhưng do có tính chủ động cao Hội đồng quản trị đã chỉ đạo quyết liệt nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm đã vượt kế hoạch về doanh thu: 112,93%, về chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế so kế hoạch đạt: 116,62% , so với cùng kỳ đạt 118,26%
  - Thu nhập của người lao động tăng bình quân thu nhập đ/người/tháng = 12.217.000 so với cùng kỳ = 134,10%, tác phong làm việc của người lao động nhất là cán bộ quản lý đầu ngành tiến bộ nhiều.
2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*
- Ban Tổng giám đốc trong năm đã chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đời sống văn hóa của công ty một cách năng động, sâu sát, các biện pháp quản lý đưa ra đúng nên được người lao động và cán bộ thực hiện nghiêm túc.
  - Công tác quan hệ khách hàng, mở rộng nguồn hàng đặc biệt là chủ trương của Tổng giám đốc chỉ đạo làm hàng xuất khẩu đã đạt những kết quả và hướng đi tốt có tính bền vững cho công ty.
3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*
- Đầu tư nâng sản lượng và chất lượng sản phẩm. Cùng cố thương hiệu Sadakim trên thị trường.
  - Phần đầu năm 2015 đạt doanh thu bán hàng và lợi nhuận theo định hướng kế hoạch như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2015	Ghi chú
Thép và gang đúc	Tấn	4.000	
Gia công Cơ khí →Rèn	Tấn	2.000	
Gia công kết cấu	Tấn	450	

Doanh thu	Tỷ đồng	150	
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,0	
Chia cổ tức	%	17	

Để thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, Công ty đề ra kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị và phương tiện vận chuyển như sau:

STT	Tên công trình, thiết bị	Giá trị dự toán (triệu đồng)	Ghi chú
1	Cụm tái sinh cát Furan	2.000	Chuyển tiếp 2014
2	Máy phay CNC đã qua sử dụng	750	Chuyển tiếp 2014
3	Máy soi kim tương	150	
4	Máy tiện CNC 700x3000	3.600	
5	Xe xúc 5 tấn	800	
6	Máy phun bi làm sạch	1.500	
7	Máy phân tích quang phổ	1.200	
8	Máy photocopy	150	
-+	Cộng	10.150	

(Bảng chữ: Mười một tỷ, ba trăm triệu đồng.)

## I. Báo cáo tình hình Quản trị công ty.

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức danh	CP nắm giữ đến ngày 31-12-2014	% VDL	Ghi chú
1	Nguyễn Xuân Sơn - Đại diện vốn VNSteel - Vốn cá nhân	Chủ tịch HDQT	650.000 1.800	25,00 0,07	Thành viên điều hành
2	Vũ Văn Hiến - Đại diện vốn VNSteel - Vốn cá nhân	UVHDQT	260.000 22.100	10,00 0,85	Thành viên điều hành
3	Hồ Văn Ích Em -Đại diện vốn VNSteel	UVHDQT	260.000	10,00	Thành viên không điều hành
4	Nguyễn Thái Thiện	UVHDQT	197.100	7,58	Thành viên độc lập
5	Nguyễn Ngô Long	UVHDQT	100.000	3,85	Thành viên độc lập

#### b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch	3	100%	
2	Vũ Văn Hiến	Ủy viên	3	100%	
3	Hồ Văn Ích Em	Ủy viên	3	100%	
4	Nguyễn Thái Thiện	Ủy viên	3	100%	
5	Nguyễn Ngô Long	Ủy viên	2	66,66%	

- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.  
 - Các thành viên Hội đồng quản trị công ty độc lập không tham gia điều hành đã thường xuyên nhận báo cáo quý, tham gia các cuộc họp thường kỳ của HĐQT, tích cực tham gia xây dựng chiến lược phát triển công ty, tìm thêm nguồn hàng giới thiệu cho công ty thực hiện.  
 e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.  
 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	CP nắm giữ	% VĐL	Ghi chú
1	Hoàng Lê Ánh	Trưởng ban	0	0	Tổng công ty thép Việt Nam – CTCP cũ
2	Ngô Thế Hiến	Ủy viên	53.000	2,04	
3	Bùi Văn Tương	Ủy viên	3.000	0,11	

- b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Các thành viên ban kiểm soát có năng lực, trình độ về chuyên ngành kế toán và quản lý, am hiểu sâu về công ty.

Ban kiểm soát hoạt động thường xuyên trong năm, hàng quý họp để xem xét tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, các báo cáo của ban kiểm soát đánh giá sát tình hình công ty, các số liệu phân tích chuẩn xác. Ban kiểm soát họp 4 lần/ năm. Ban kiểm soát được mời tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

- a) Thù lao, các khoản lợi ích HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký công ty:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/năm (đ)	Ghi chú
1	Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch	48.000.000	
2	Vũ Văn Hiến	Ủy viên HĐQT	36.000.000	
3	Hồ Văn Ích Em	Ủy viên HĐQT	36.000.000	
4	Nguyễn Thái Thiện	Ủy viên HĐQT	36.000.000	
5	Nguyễn Ngô Long	Ủy viên HĐQT	36.000.000	
6	Hoàng Lê Ánh	Trưởng ban kiểm soát	36.000.000	
7	Ngô Thế Hiến	Ủy viên BKS	24.000.000	
8	Bùi Văn Tương	Ủy viên BKS	24.000.000	
9	Phạm Văn Tồn	Thư ký công ty	24.000.000	
	Cộng		300.000.000	

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm có 1 thành viên HĐQT độc lập và 1 thành viên BKS có giao dịch cổ phiếu qua sàn, quá trình thực hiện có thực hiện thông báo với sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, số lượng cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	CP nắm giữ trước giao dịch	CP nắm giữ sau giao dịch
1	Nguyễn Thái Thiện	Ủy viên HĐQT	156.000	197.100
2	Bùi Văn Tương	Ủy viên BKS	400	3.000

Các thành viên khác của HĐQT và Ban kiểm soát không có giao dịch.

- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

- d) Danh sách người có liên quan: (theo phụ lục đính kèm)

e) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện đúng quy định về báo cáo định kỳ 6 tháng và cả năm 2015

**II. Báo cáo tài chính (Xem phụ lục đính kèm)**

1. *Ý kiến kiểm toán:*

Thông nhất với báo cáo tài chính của công ty, không có ý kiến loại trừ

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán*



**Nguyễn Xuân Sơn**